

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT TẠI ÚC VÀ NIU DI LÂN

Thực hiện Quyết định số 883/QĐ-BKHĐT ngày 14/7/2014 của Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung, Quyết định số 729/QĐ-TCTK ngày 9/7/2014 của Tổng Cục trưởng Tổng cục thống kê, Quyết định số 584/QĐ-QLKTTW ngày 9/7/2014 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về việc cử cán bộ tham gia chuyến khảo sát tại Úc và Niu Di lân được thực hiện trong thời gian từ ngày 01-12/08/2014. Chuyến khảo sát nằm trong khuôn khổ hoạt động của Dự án “Nghiên cứu khởi doanh nghiệp, giai đoạn 2013-2014” do Dự án DANIDA (Đan Mạch) tài trợ. Một số kết quả chính của chuyến khảo sát như sau:

1. Giới thiệu

Mục tiêu của chuyến khảo sát là:

1. Học hỏi phương pháp, cách thức xây dựng bảng hỏi, chọn mẫu điều tra doanh nghiệp, quá trình tiến hành thực hiện điều tra, phân tích, xử lý số liệu, và công bố kết quả từ các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm;
2. Học hỏi kinh nghiệm trong xây dựng, thực hiện chỉ số/kinh doanh bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Trong thời gian làm việc tại hai nước, Đoàn đã gặp gỡ và trao đổi với các chuyên gia tại các cơ quan: Cơ quan thống kê quốc gia Úc (ABS), Trung tâm trách nhiệm doanh nghiệp Úc (ACCR), Trung tâm bền vững doanh nghiệp Úc (SBA), Viện quản lý Niu Di lân (NZIM), Cơ quan thống kê quốc gia Niu Di lân và Quỹ Footprint Niu Di lân.

2. Các kết quả thu được từ chuyến khảo sát

Báo cáo khảo sát dưới đây chỉ tập trung vào tìm hiểu các vấn đề liên quan đến hai mục tiêu nêu trên, từ đó rút ra một số bài học, kinh nghiệm và kiến nghị cho Việt Nam.

2.1. Tìm hiểu kinh nghiệm về các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm

2.1.1. Tại Úc

Đoàn khảo sát đã có buổi làm việc với Cục thống kê Úc (ABS), cơ quan thống kê chính thức của Úc. Hàng năm, ABS thực hiện khá nhiều cuộc điều tra

khác nhau, trong đó tập trung vào hai mảng chính là: điều tra hộ, và khảo sát hoạt động kinh doanh. Trong mảng khảo sát các hoạt động kinh doanh có thể kể đến các cuộc khảo sát như: khảo sát về hoạt động kinh tế; nông nghiệp; năng lượng, nước và môi trường; lao động; việc làm và thu nhập; các chỉ số kinh doanh; lợi nhuận thương mại bán lẻ; thống kê công nghiệp; thông tin tài chính; đầu tư mạo hiểm...

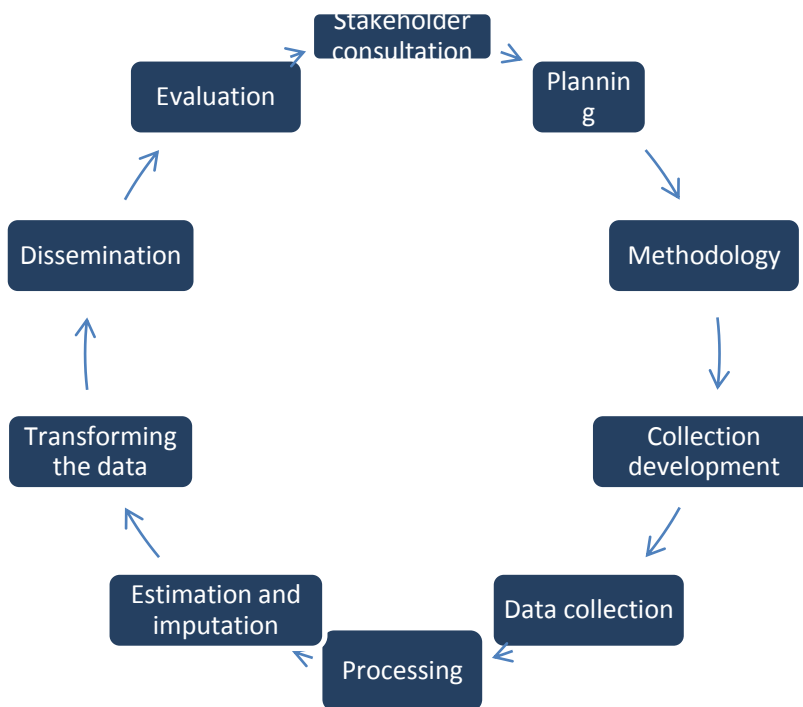
Mặc dù thực hiện rất nhiều các cuộc điều tra, nhưng các cuộc điều của ABS đều cố gắng không gây gánh nặng cho quá trình điều tra, và có sự kết nối giữa các cuộc điều tra để tránh trùng lặp thông tin và có thể sử dụng hiệu quả các nguồn dữ liệu từ nhiều cơ quan một cách có hệ thống. Đặc biệt, họ có thể link thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp với cơ quan thuế theo mã doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ buổi làm việc, Đoàn công tác chỉ trao đổi về 2 cuộc khảo sát: thống kê công nghiệp hàng năm và thống kê về đổi mới công nghệ

a) *Thống kê công nghiệp hàng năm ở Úc*

Các bước tiến hành các cuộc khảo sát của ABS từ lập và thiết kế bảng hỏi, chọn mẫu, tiến hành điều tra, thu thập và xử lý số liệu được thể hiện trong hình dưới đây:

Hình 1: Các giai đoạn tiến hành một cuộc khảo sát



Nguồn: Bài trình bày của Cục thống kê Úc

- Về thiết kế bảng hỏi

Trước mỗi cuộc điều tra công nghiệp (Annual Industry Survey- AIS), ABS cần đến một năm để nghiên cứu, tham khảo ý kiến của các bên, các đơn vị có liên quan, ý kiến của chuyên gia để xây dựng và thiết kế bảng hỏi cho phù hợp. Sau đó tiến hành điều tra thử trước cuộc điều tra chính thức được thực hiện vào tháng 8 hàng năm (sau khi kết thúc năm tài chính).

Các số liệu thu thập được từ cuộc điều tra này là cơ sở dữ liệu quan trọng của Hệ thống tài khoản quốc gia. Nội dung bảng hỏi tập trung vào các nội dung liên quan đến lao động, việc làm, tình hình sản xuất kinh doanh, thu nhập, chi phí, các biện pháp lợi nhuận, chi phí vốn, và các sản phẩm công nghiệp cụ thể.

Mỗi bảng hỏi có độ dài từ 16-20 trang với khoảng 36 câu hỏi. Những câu hỏi mới chỉ được đưa vào bằng việc loại bỏ thay thế một câu hỏi cũ, không gây ra tình trạng quá tải cho doanh nghiệp khi trả lời.

- Về chọn mẫu điều tra

Mẫu điều tra được lựa chọn trong khoảng 2.000.000 doanh nghiệp dựa trên danh sách cung cấp (có mã số thuế) bởi Cục thuế Úc (ATO): các doanh nghiệp phải đăng ký với ATO để thực hiện các nghĩa vụ về thuế và ATO xem xét và đưa vào danh sách để gửi cho ABS.

Ngoài ra, ABS còn có một danh sách các doanh nghiệp lớn/phức tạp, cần có phương pháp điều tra đặc biệt. Một doanh nghiệp lớn có thể được tách ra thành nhiều mẫu nhỏ hơn dựa trên các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó. Ví dụ, một doanh nghiệp có cả hoạt động xây dựng và khai thác mỏ, sẽ được tách ra thành 2 đơn vị riêng biệt, một là hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hai là hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ.

ABS thực hiện khảo sát các hoạt động kinh tế hàng năm (annual Economic Activity Survey-EAS) để đưa ra một sự đánh giá trên diện rộng đối với hầu hết các ngành của Úc (đối với một số lĩnh vực hoạt động đặc biệt như: Chính phủ, quốc phòng, tài chính, đã có nguồn dữ liệu khác)

Cỡ mẫu điều tra cho EAS là 20.000 doanh nghiệp. Trong đó, các doanh nghiệp lớn (từ 300 nhân viên trở lên) được ưu tiên lựa chọn hơn các doanh nghiệp nhỏ. ABS cố gắng để giữ các doanh nghiệp được lựa chọn trong mẫu này trong 3 năm rồi sau đó thay đổi. Việc giữ cố định các mẫu này từ năm này sang năm khác làm cho sự đánh giá ước lượng ít biến động và giảm chi phí theo dõi. Tuy nhiên, nếu giữ nguyên các mẫu này trong một thời gian quá dài sẽ tạo ra gánh nặng cho doanh nghiệp.

Ngoài 20.000 doanh nghiệp được lựa chọn trong cuộc khảo sát EAS này, thì ABS còn có các mẫu bổ sung trong một số ngành (ví dụ, năm 2014 họ có 500 mẫu bổ sung trong lĩnh vực thông tin truyền thông và 300 mẫu bổ sung trong lĩnh vực giáo dục).

Trong số 20.000 mẫu này thì có khoảng 2.000- 3.000 mẫu trong lĩnh vực chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, trong một số năm, ABS chỉ lựa chọn tối đa 2.000 mẫu nhằm tăng những đánh giá ước lượng này. Tỷ lệ phản hồi của doanh nghiệp trung bình khoảng 70%-75% (85% trong năm 2014).

Xử lý các số liệu bị missing.

- Tham khảo các thông tin đã được công khai, sẵn có, ví dụ báo cáo cổ đông thường niên và sử dụng chúng để ước tính giá trị khảo sát.

- Sử dụng các số liệu mà doanh nghiệp này đã trả lời năm trước (nếu có), trong đó điều chỉnh cho phù hợp với các xu hướng trong ngành công nghiệp.

- Sử dụng các số liệu liên quan đến thu nhập và tiền lương được cung cấp bởi Cục thuế (ATO).

Nếu cả 3 phương án trên đều không khả thi, thì việc xử lý các số liệu bị missing này sẽ được thực hiện bằng cách làm tăng trọng số của các mẫu có phản hồi trong cùng ngành công nghiệp.

- Về cách thức thu thập số liệu và xuất bản

Hiện nay, ABS thực hiện khảo sát công nghiệp thông qua điều tra điện tử, và năm nay là năm thứ 3 thực hiện. Các bảng hỏi điện tử (eforms) dựa trên hộp ký gửi an toàn (có mã số và mật khẩu).

Theo kết quả từ các cuộc điều tra, tỷ lệ phản hồi của doanh nghiệp khi tiến hành trả lời qua eforms lên đến 90%. Nông nghiệp là ngành có tỷ lệ phản hồi qua eforms thấp nhất với 77%. Tuy nhiên, ABS vẫn giữ lại một số lượng điều tra giấy trong trường hợp có yêu cầu phản hồi lại.

ABS xuất bản ấn phẩm thống kê ngành trong chuỗi thời gian 6 năm, với 19 phân ngành (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ).

Tất cả công dân Úc đều có thể truy cập miễn phí tất cả các thống kê chính thức có sẵn trên trang web của ABS. Một loạt dữ liệu trên trang web của ABS mà người dùng có thể tải về bao gồm: các ấn phẩm điện tử (PDF và HTML); dữ liệu điều tra dân số; bảng tính chuỗi thời gian; và khối dữ liệu. Ngoài ra, người dùng cũng có thể đến các thư viện địa phương để có thể sử dụng vào các ấn phẩm tiêu chuẩn của ABS.

Tuy nhiên ABS, chỉ cho tiếp cận thông tin đến cấp ngành chứ không cấp thông tin đến cấp doanh nghiệp, các dữ liệu chi tiết và có tùy chỉnh theo yêu cầu của người dùng thì phải trả một khoản phí. ABS có trung tâm dịch vụ tư vấn, sẵn sàng hỗ trợ cung cấp thông tin để cung cấp số liệu đáp ứng nhu cầu của người dùng.

b) *Điều tra đổi mới công nghệ ở Úc*

• Về bảng hỏi

Đổi mới công nghệ là một nội dung của Điều tra đặc điểm kinh doanh hàng năm của ABS (The Business Characteristics Survey-BCS). BCS được thực hiện để thu thập một loạt các thông tin liên quan đến các nội dung chủ yếu sau:

- Lao động, việc làm;
- Cơ cấu và tổ chức kinh doanh;
- Tài chính (doanh thu, chi phí, lợi nhuận);
- Thị trường và các đối thủ cạnh tranh;
- Hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ mới;
- Rào cản, khó khăn đối với việc nghiên cứu và phát triển Hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ mới;
- Rào cản, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Các kỹ năng được sử dụng trong sản xuất kinh doanh;
- Tình hình sử dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp;
- Các kiến nghị, ý kiến góp ý.

Bộ câu hỏi sử dụng trong cuộc điều tra này phần lớn đều dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể:

- Nội dung liên quan đến công nghệ thông tin: dựa theo bảng hỏi điều tra mẫu của OECD (Model Survey).

- Nội dung liên quan đến đổi mới: căn cứ theo cẩm nang OSLO¹.

- Nội dung liên quan đến tài chính: sử dụng bộ câu hỏi phù hợp với Hệ thống tài khoản quốc gia 2008 (System of National Accounts 2008 - SNA08).

¹Cẩm nang OSLO của OECD là bộ tài liệu nổi tiếng được hoàn tất vào năm 1992 mang tên gọi Khuyến nghị các nguyên tắc chỉ đạo trong thu thập và diễn giải số liệu về đổi mới công nghệ. Bộ câu hỏi được đề xuất trong Cẩm nang đã được sử dụng làm cơ sở cho vòng điều tra lần thứ nhất - Điều tra đổi mới của Cộng đồng (Community Innovation Survey- viết tắt là CIS), được 15 quốc gia thành viên liên minh Châu Âu thực hiện trong thời gian 1993-1994. Cẩm nang OSLO là bộ tài liệu được phổ biến rộng rãi, thậm chí ngay trong cả các quốc gia không thuộc thành viên tổ chức OECD. Năm 2005 bộ cẩm nang này được cập nhật nhằm điều tra năng lực đổi mới ở doanh nghiệp và mở rộng khung đánh giá đổi mới ở ba phương thức: tập trung vào vai trò của mối liên kết với các công ty và tổ chức trong quá trình đổi mới, nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của đổi mới trong những ngành công nghiệp ít dựa vào nghiên cứu và thiết kế như ngành dịch vụ và chế tạo máy dựa trên công nghệ không cần hiện đại, và mở rộng khái niệm đổi mới bao gồm cả đổi mới tổ chức và đổi mới tiếp thị.

SNA08 là phiên bản cập nhật mới nhất của tiêu chuẩn thống kê quốc tế cho các tài khoản quốc gia (so với bản SNA 1993 trước đây). SNA08 được thông qua bởi năm tổ chức quốc tế liên quan đến việc sử dụng các số liệu thống kê kinh tế và thúc đẩy các tiêu chuẩn thống kê quốc tế: Liên hợp quốc, Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới và Ủy ban Cộng đồng Châu Âu. ABS tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đảm bảo rằng số liệu thống kê Úc có thể so sánh với các nước khác cũng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này. Trong một số trường hợp, các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đã được giải thích và thích nghi với điều kiện kinh tế, xã hội của Úc. Ở đây có một điểm cần lưu ý là Tài khoản quốc gia Úc (The Australian national accounts) khác với các khuyến nghị trong SNA08, trong một số trường hợp mà dữ liệu không có sẵn để đáp ứng các yêu cầu này, hoặc nó không được coi là thực tế phải tuân thủ các tiêu chuẩn.

Khi xây dựng bảng hỏi này, ABS có một tập hợp các câu hỏi cứng, không thay đổi trong các cuộc điều tra mỗi năm và một mô-đun quay (thay đổi các câu hỏi để bổ sung các thông tin liên quan công nghệ thông tin và đổi mới, thực hiện hai năm một) nhằm đảm bảo thu thập được các số liệu thích hợp nhất.

Một điểm đáng chú ý nữa trong việc thiết kế bảng hỏi của ABS đó là đối với các thuật ngữ mới, đều có các định nghĩa, giải thích ngay bên dưới câu hỏi để người trả lời có thể dễ dàng hiểu rõ hơn về nội dung được hỏi.

- Về chọn mẫu

Các mẫu điều tra này được lấy từ danh sách các doanh nghiệp Úc của Cục đăng ký kinh doanh Úc. Có 2 mẫu điều tra được lựa chọn:

- Ước lượng điểm thời gian: khoảng 6.000 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp theo phân loại ANZSIC06 (không bao gồm giáo dục, hành chính công, một số nội dung của tài chính và các dịch vụ bảo hiểm).

- Bộ dữ liệu vĩ mô (CURF): khoảng 10.000 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp nhưng chỉ bao gồm các doanh nghiệp có đến 200 lao động và sẽ thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp không sử dụng lao động trong một số ngành công nghiệp.

- Về thu thập số liệu

Khác với AIS sử dụng bảng câu hỏi điện tử, thì BCS mới thực hiện bằng câu hỏi điện tử trong năm nay. Các năm trước vẫn sử dụng bảng hỏi giấy, trong đó có 62 câu hỏi cho các ước lượng điểm thời gian, và 46 câu hỏi cho CURF.

Đối với bộ dữ liệu vĩ mô CURF, các số liệu hành chính được lấy từ Cơ quan thuế và Hải quan. Tỷ lệ phản hồi khá cao, lên đến 95%.

Đối với các ước lượng điểm thời gian: trường hợp không có trả lời, bị thiếu thông tin thì được xử lý bằng cách điều chỉnh tỷ trọng của các mẫu có phản hồi.

- Về công bố kết quả điều tra và sử dụng

Từ cuộc điều tra này, hàng năm ABS sẽ công bố 3 ấn phẩm: (1) Tóm tắt sử dụng công nghệ thông tin và sáng tạo cho kinh doanh vào tháng 6; (2) Sử dụng công nghệ thông tin cho kinh doanh vào tháng 8 và (3) Một số đặc điểm chọn lọc về các đơn vị kinh doanh của Úc vào tháng 9.

ABS chịu trách nhiệm về các cuộc điều tra, đảm bảo độ tin cậy về số liệu và thông tin của doanh nghiệp. ABS không cung cấp số liệu thô cho các mục đích khác (như nghiên cứu), nhưng có thể làm dịch vụ phân tích dữ liệu theo yêu cầu. Trong trường hợp này, khách hàng sẽ phải trả một khoản phí cho ABS, được tính dựa trên thời gian và công lao động cần thiết để thực hiện công việc.

2.1.2. Tại Niu Di lân

Đoàn khảo sát đã có một buổi làm việc với Cục thống kê Niu Di lân. Cũng giống như Cục thống kê Úc, Cục thống kê Niu Di lân hàng năm thực hiện khá nhiều cuộc điều tra khác nhau và chia thành 2 mảng chính: cá nhân và hộ gia đình; và hoạt động kinh doanh. Các cuộc điều tra này đều có tính kết nối để tránh tình trạng trùng lặp thông tin (ví dụ, thông tin về tài chính của doanh nghiệp đã được hỏi trong điều tra tài chính hàng năm thì khi sang khảo sát hoạt động kinh doanh các nội dung thông tin liên quan đến tài chính đều không được đưa vào cuộc điều tra).

Nội dung trao đổi giữa Đoàn khảo sát với Cục thống kê Niu Di lân tập trung vào 2 cuộc điều tra: điều tra tài chính hàng năm và khảo sát hoạt động kinh doanh.

a) Điều tra tài chính hàng năm (The Annual Financial Collection-AFC)

- Về mẫu điều tra và cách thức thu thập số liệu

Đây là cuộc điều tra được thực hiện hàng năm chuyên thu thập các thông tin liên quan đến tài chính của tất cả doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh ở Niu Di lân (có đăng ký kinh doanh).

Nguồn số liệu thu thập từ cuộc điều tra này là sự tập hợp từ 3 nguồn dữ liệu khác nhau (vì vậy họ gọi cuộc điều tra này là “Collection”). Các ngành được điều tra chiếm khoảng 90% GDP của Niu Di Lân, cụ thể:

- Gửi bảng hỏi qua đường bưu điện (Postal survey): khoảng 16.000 doanh nghiệp;
- Dữ liệu về thuế (IR10) và tổ chức từ thiện: 330.200 doanh nghiệp, tổ chức;
- Dữ liệu của Chính phủ (CFIS): khoảng 3.200 doanh nghiệp.

Các thông tin mà AFC thu thập từ cuộc điều tra này đơn thuần chỉ liên quan đến các dữ liệu tài chính của doanh nghiệp (những thứ có thể định lượng được bằng tiền), bao gồm:

- Tình hình tài chính: thu nhập, doanh thu, chi phí, lợi nhuận / lỗ, cổ phiếu;
- Tài sản: tài sản cố định, bổ sung, thanh lý, OBV² (on balance volume);
- Công nợ.

Điểm chú ý ở đây là các ngoài nội dung tài chính, cuộc khảo sát sẽ không hỏi thêm bất cứ thông tin nào liên quan đến lao động, giờ làm việc, hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thông tin này có thể thu được từ cuộc điều tra lao động (EMS- thực hiện hàng tháng). Điều này thực hiện nguyên tắc không trùng lặp trong tiến hành các cuộc điều tra của Cơ quan thống kê New Zealand, qua đó giảm chi phí không cần thiết và sử dụng ngân sách hiệu quả.

Bảng 1: Các ngành, mẫu điều tra của AFC và nguồn dữ liệu

² OBV là là chỉ báo động lực cho biết ảnh hưởng của khối lượng tới thay đổi giá, là tổng số khối lượng lũy kế của cổ phiếu. Nó cho biết khối lượng đang vào hay đang ra của một chứng khoán. Khi chứng khoán đóng cửa ở mức cao hơn giá đóng cửa trước đó, tất cả khối lượng của ngày đó được cho là khối lượng tăng, và được cộng vào OBV phiên trước. Khi chứng khoán đóng cửa ở mức thấp hơn giá đóng cửa trước đó, tất cả khối lượng của ngày hôm đó được cho là khối lượng giảm, và được trừ đi từ OBV của phiên trước đó

AES Collection Composition by Industry Grouping						
Agriculture	Manufacturing	Electricity	Wholesale	Retail	Services	Government
Full Coverage IR10	Postal FullCov	Postal Full Coverage	Postal FullCov	Postal FullCov	Postal FullCov	
	Postal sample		Postal sample	Postal sample	Postal sample	Full coverage
			IR10	IR10	IR10	CFIS
	IR10					

Nguồn: Bài trình bày của Cục thống kê Niu Di lân

Giải thích: IR10 là viết tắt của bản kê khai thông tin về doanh thu trong nước (Inland Revenue) mà các doanh nghiệp phải sử dụng để kê khai gửi cho cơ quan thuế.

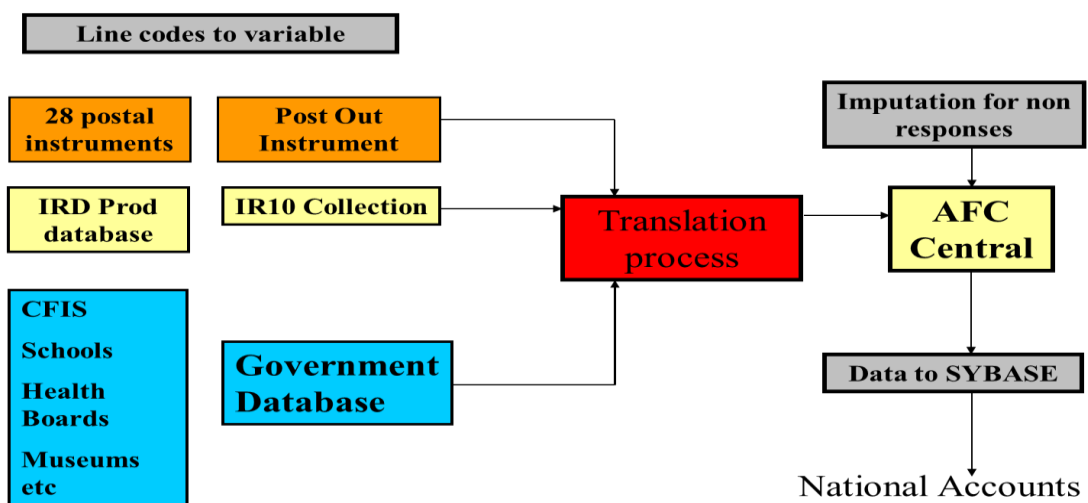
CFIS: Dữ liệu của Chính phủ do Hệ thống thông tin kho bạc cung cấp (Treasury's Crown Financial Information System)

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ trả lời qua đường bưu điện là 75%; tỷ lệ trả lời qua cơ quan Thuế (IR10) là 70%.

- Về xử lý số liệu

Trên cơ sở số liệu thu thập từ các nguồn cung cấp khác nhau, Cơ quan thống kê sẽ ước tính những số liệu còn thiếu do không trả lời và xử lý thành bộ số liệu cơ bản phục vụ cho tính GDP và hệ thống tài khoản quốc gia.

Bảng 2: Quy trình xử lý của AFC



Nguồn: Bài trình bày của Cơ quan thống kê Niu Di lân

Trong quá trình xử lý số liệu, nếu phát hiện thấy có sự không hợp lý lô gic, thì số liệu sẽ được chỉnh sửa và phân tích đảm bảo sự phù hợp cho mục đích nghiên cứu và kết quả đầu ra. Sau đó, được đối chất/xác nhận tính hợp lý, lô gic của dữ liệu thông qua việc kiểm định lại phương pháp thống kê, các sự kiện thể giới thực và các nguồn dữ liệu thay thế.

b) Điều tra hoạt động kinh doanh (Business Operations Survey- BOS)

- Về mẫu điều tra, thiết kế nội dung và thời gian tiến hành điều tra

Điều tra BOS được thực hiện vào tháng 8 hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính. Đây là cuộc điều tra được tiến hành trên diện rộng, các nội dung điều tra được thay đổi trong từng năm, đưa vào các chủ đề mới, nóng của nền kinh tế (khi cần thiết).

Đối tượng điều tra là tất cả các doanh nghiệp có từ 6 lao động trở lên và có hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01 năm trở lên, bao gồm tất cả các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp.

Các số liệu thu thập được qua cuộc khảo sát này sẽ đưa ra một cái nhìn tổng thể về thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Niu di lân; xác định các hoạt động sản xuất kinh doanh nào có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng; các rào cản đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở đó đưa ra các phương án giải quyết; mối quan hệ giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh...

BOS thực hiện khảo sát giấy, quá trình thu thập số liệu được thực hiện trong vòng 03 tháng với tỷ lệ trả lời khoảng 80%.

Có 3 mô-đun được xây dựng khi thiết kế bảng hỏi điều tra, bao gồm:

- Mô-đun A: sử dụng chung, không thay đổi cho các năm (tình hình kinh doanh của doanh nghiệp);
- Mô-đun B: gồm 2 nội dung “đổi mới” và “công nghệ thông tin” thay đổi luân phiên, cứ 2 năm 1 lần giữa 2 nội dung này;
- Mô-đun C: các nội dung mới, thay đổi hàng năm, tùy vào những vấn đề mới, nóng của nền kinh tế. Chủ đề và nội dung của Mô-đun C được quyết định xây dựng trên cơ sở hỏi, tham vấn ý kiến của các cơ quan liên quan.

Trước đây, bảng hỏi của khảo sát BOS còn có nội dung liên quan đến tài chính của doanh nghiệp, nhưng nội dung này đã được đưa ra khỏi cuộc khảo sát từ năm 2009 để tránh trùng lặp với AFC như đã nói ở trên.

Bảng 3: Các Mô-đun được sử dụng trong điều tra hàng năm từ 2005-2014

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Module A	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module	Business Performance Module
Module B	Innovation Module	ICT Business Use Module	Innovation Module	ICT Business Use Module	Innovation Module	ICT Business Use Module	Innovation Module	ICT Business Use Module	Innovation Module	ICT Business Use Module
Module C	Business Practices Module	Employment Practices Module	International Engagement Module	Business Strategy and Skills Module	Business Practices Module	Price and Wage Setting	International Engagement Module	Regulation	Business Practices	Skills Acquisition
Module D	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	Financial Conditions	N/A	N/A	Skill Needs and Recruitment	Finance

Nguồn: Bài trình bày của Cơ quan thống kê Niu Di lân

- Về xử lý số liệu

Quá trình xử lý số liệu được thực hiện như sau:

- Đối với những câu trả lời mà nhận thấy có sự mâu thuẫn, vô lý, không chính xác, sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với logic;
- Ước lượng cho các số liệu bị thiếu;
- Điều chỉnh tỷ trọng đối với các doanh nghiệp không trả lời;
- Kiểm tra vĩ mô;
- Xuất bản công bố các bảng biểu đầu ra.

Số liệu thu được từ cuộc điều tra này được sử dụng cho các mục đích như:

- Thống kê tóm tắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Nghiên cứu các dữ liệu vĩ mô;
- Liên kết dữ liệu của cuộc điều tra này với các nguồn dữ liệu khác;
- Phân tích sâu về ngành;
- Đưa ra một cái nhìn đối với các chủ đề nóng;
- Điểm chuẩn cho các doanh nghiệp/xác định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

- Về công bố và sử dụng

Cơ quan thống kê đều công bố kết quả dưới dạng ấn phẩm/bảng biểu cứng và online về các chỉ tiêu chí nêu trên. Ngoài ra, số liệu có thể được cung cấp cho

các cơ quan chính phủ và các đối tượng có nhu cầu sử dụng như với nguyên tắc đảm bảo tính an toàn cho doanh nghiệp (không cấp mã số doanh nghiệp). Thường cơ quan này cung cấp số liệu cho từng mảng vấn đề và cho một chuỗi thời gian.

2. Tìm hiểu kinh nghiệm về xây dựng chỉ số/kinh doanh bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Theo đánh giá của Hội đồng năng lượng thế giới (World Energy Council), cả Úc và Niu Di lân đều có vị trí tốt trong bảng xếp hạng chỉ số bền vững năng lượng.

Bảng 5: Key Metrics in New Zealand an Australia

	New Zealand	Australia
Industrial sector (% of GDP)	24.6	26.6
TPEP / TPEC (net energy importer)	0.88	2.22
Emission intensity (kg CO ₂ per USD)	0.28	0.48
Energy affordability (USD per kWh)	0.25	0.1
GDP / capita (PPP, USD); GDP Group	28,667 (II)	40,949 (I)
Energy intensity (million BTU per USD)	0.17	0.16
CO ₂ emissions (metric tons CO ₂ per capita)	6.93	16.49
Population Access to Electricity (%)	100	100

Nguồn: World Energy Council

2.1. Chỉ số/kinh doanh bền vững của doanh nghiệp tại Úc

Tại Úc, Đoàn khảo sát đã làm việc với Trung tâm trách nhiệm doanh nghiệp Úc (ACCR- Australian Centre for Corporate Responsibility) và Tổ chức kinh doanh bền vững Úc (Sustainable Business Australia-SBA). Cả ACCR và SBA đều không phải là tổ chức do nhà nước thành lập, mà là các tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và ngân sách hoạt động được trang trải từ các hoạt động cung ứng dịch vụ cho các doanh nghiệp thành viên.

Trong khi hoạt động của ACCR hướng nhiều vào các công ty cổ phần, niêm yết trên thị trường chứng khoán và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (từ quản trị doanh nghiệp, vấn đề môi trường, y tế, an toàn lao động và tác động xã hội, môi trường của các hoạt động kinh doanh) để đáp ứng nhu cầu thông tin của cổ đông, thì SBA là tổ chức lớn của Úc hoạt động trong lĩnh vực các-bon thấp, quản lý năng lượng. Tuy đối tượng và thành viên khác nhau, nhưng cả hai tổ chức này cuối cùng đều nhằm

đưa ra những tư vấn khuyến khích khu vực doanh nghiệp hoạt động kinh doanh theo cách bền vững và có trách nhiệm xã hội.

Qua hoạt động của ACCR, không chỉ bản thân doanh nghiệp, mà các cổ đông của công ty niêm yết có thể theo dõi việc thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty, qua đó tham gia tư vấn, khuyến khích công ty thực hiện các quy định về trách nhiệm xã hội nhằm phát triển bền vững.

Trong khi đó, SBA còn có vai trò tư vấn cho các doanh nghiệp muốn tìm hiểu các thị trường mới, ngành công nghiệp mới và việc làm mới. Phần lớn công việc của SBA liên quan đến việc nâng cao nhận thức về quy mô và sự liên quan của những thách thức lớn về môi trường và các giải pháp thương mại mà doanh nghiệp có thể cung cấp. Thành viên của SBA đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm các nhà đầu tư, ngân hàng, công nghệ và phát triển cơ sở hạ tầng, tư vấn và công ty kỹ thuật tham gia vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

SBA đang tập trung với các công ty thành viên và các mạng lưới liên kết để hỗ trợ việc thực hiện quản lý việc phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính (GIG) và đưa ra các báo cáo về tình hình thực hiện của các công ty và toàn nền kinh tế Úc. Trên cơ sở đó, đưa ra bảng xếp hạng, đánh giá các công ty thành viên trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Ở lĩnh vực này, SBA tập trung làm việc với các doanh nghiệp, chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các bên có liên quan khác trên khắp nước Úc để phát triển công cụ đáng tin cậy và hiệu quả cho các công ty và các tổ chức để giảm thiểu và thích ứng với vấn đề biến đổi khí hậu.

Nhu cầu đánh giá về tính bền vững của doanh nghiệp xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế carbon thấp với các chính sách - đánh thuế khí thải carbon tại Úc.

Luật đánh thuế khí thải carbon đã được Thượng viện Úc thông qua vào tháng 11/2011, dự luật có tên gọi Đạo luật Năng lượng sạch bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/7/2012. Theo Đạo luật này, 500 doanh nghiệp gây ô nhiễm nhiều nhất phải trả 23 đô la Úc/ tấn carbon thải ra, và mức thuế sẽ tăng 2,5% mỗi năm cho đến 2015 khi Chương trình buôn bán khí thải đi vào hoạt động theo quy luật thị trường. Đây là một trong những cải cách kinh tế lớn nhất của Chính phủ Úc trong nhiều năm qua, là một biện pháp hiệu quả để giải quyết tình trạng hiệu ứng nhà kính.

Tuy nhiên, chính sách thuế carbon cũng gây ra một làn sóng tranh cãi mạnh mẽ, bởi Úc là quốc gia phụ thuộc vào xuất khẩu khoáng sản và ngành năng lượng khai thác than. Do đó, việc đánh thuế carbon sẽ làm giá xăng và các

loại chi phí cơ bản khác tăng cao, gây thiệt hại và làm mất khả năng cạnh tranh của nhiều ngành công nghiệp, tăng tỉ lệ thất nghiệp, đẩy giá sinh hoạt tăng cao làm giảm mức sống của người dân. Chính phủ cam kết bồi thường thiệt hại cho hầu hết tất cả mọi người, đặc biệt những người có thu nhập thấp, đa số người dân sẽ nhận được mức tài trợ cao hơn mức giá sinh hoạt gia tăng. Khoảng 97% các gia đình có thu nhập trung bình sẽ nhận được một số trợ giúp và 50% gia đình sẽ được bồi thường mọi khoản tổn thất. Các khoản bồi thường này sẽ được chính phủ trích từ số tiền thu được từ thuế carbon.

Tuy nhiên, đến tháng 7/2014, sau một thời gian ngắn thực hiện, Thượng viện Úc đã quyết định bãi bỏ việc đánh thuế carbon này. Theo đó, thuế carbon cố định nêu trên được bãi bỏ và áp dụng thuế carbon thả nổi từ 6-10 đô la Úc/tấn. Thuế carbon sẽ được thay thế bằng kế hoạch thương mại khí thải. Theo ước tính, việc bãi bỏ thuế carbon sẽ giúp mỗi gia đình tiết kiệm 550 đô la/năm, trong đó có cả việc tiền điện và tiền khí đốt sẽ giảm theo. Trong khi đó những biện pháp bồi thường do áp dụng thuế carbon trước đây như tăng tiền hưu, và tiền chi cho mỗi gia đình, vẫn được giữ nguyên. Thay vào khoản thuế này, chính phủ sẽ ban hành một loạt biện pháp ‘hành động trực tiếp’, bao gồm cả việc trồng cây và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các xí nghiệp, công ty gây ô nhiễm để họ giảm bớt lượng carbon của họ.

2.2. Tìm hiểu về chỉ số/kinh doanh bền vững của doanh nghiệp tại Niu Di lân

Đoàn khảo sát đã có một buổi làm việc với FoundationFootprint™, đây là một công ty phần mềm được thành lập vào năm 2007, hiện đang có đại diện tại 5 quốc gia (Mỹ, Canada, Anh, Ma-lai-xia và Ả rập xê-út), với hơn 160 khách hàng ở 11 quốc gia, và một mạng lưới ngày càng tăng với các đối tác trên toàn thế giới. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của FoundationFootprint™ là cung cấp cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp để họ có thể tự viết báo cáo, tự đánh giá và đo lường tính bền vững của mình.

Hiện nay, thị trường ngày càng đòi hỏi các doanh nghiệp phải minh bạch về các hoạt động môi trường³, xã hội và quản trị, kể cả những đóng góp của doanh nghiệp đối với nền kinh tế. Các doanh nghiệp trên toàn cầu đã và đang đáp ứng đòi hỏi này bằng việc thực hiện báo cáo “phát triển bền vững”. Trên thực tế, FoundationFootprint™ không phải là tổ chức đánh giá tính bền vững

³Chiến lược năng lượng của New Zealand (NZES) thiết lập bao quát khung chính sách năng lượng của chính phủ với 4 ưu tiên, bao gồm: phát triển đa dạng nguồn lực, trách nhiệm môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và năng lượng an toàn và giá cả phải chăng đã góp phần cải thiện năng suất. Mục tiêu của NZES là tăng lượng điện tái tạo từ 70% đến 90% vào năm 2025, được hỗ trợ bởi chương trình mua bán phát thải (ETS), cơ chế thị trường và đầu tư lưới điện, trong khi không ảnh hưởng đến an ninh cung cấp hay khả năng cạnh tranh.

của doanh nghiệp từ nhiều góc độ, nhưng tổ chức này gián tiếp hỗ trợ doanh nghiệp, hình thành trên cơ sở nhu cầu ngày càng tăng của doanh nghiệp về thực hiện các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm dịch vụ, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cụ thể:

- Giúp doanh nghiệp xem xét giảm các nguồn tài nguyên mà họ sử dụng;
- Nâng cao tính minh bạch trong báo cáo của họ;
- Tăng cường và nâng cao đầu tư cộng đồng của họ.

Ông Chris Lindley là Giám đốc điều hành của Foundation Footprint™ và cũng là người sáng lập ra Chỉ số phát triển bền vững Niu Di lân (NZSI).

NZSI là một chương trình trực tuyến, cung cấp từng bước một để giúp các doanh nghiệp Niu Di lân phát triển và đánh giá hiệu suất bền vững của họ. Đây là một sáng kiến để cải thiện và giới thiệu các hoạt động bền vững của ngành công nghiệp và dịch vụ Niu Di lân trên toàn thế giới, nâng cao vị thế của các doanh nghiệp Niu Di lân. NZSI cung cấp một khuôn khổ đánh giá tính bền vững được thiết kế đặc biệt phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của Niu Di lân nhưng vẫn tương thích với các tiêu chuẩn toàn cầu.

NZSI đánh giá các thành viên tại mỗi bước của quá trình và đưa ra điểm chuẩn nặc danh với hàng trăm công ty khác dựa trên quy mô công ty, lĩnh vực và khu vực của họ. Kết quả đánh giá cá nhân phải được cung cấp cho người tham gia bằng cả trực tuyến và một báo cáo PDF bao gồm các hướng dẫn và kết quả điểm chuẩn. Một bản tóm tắt tiến độ của các thành viên phải có sẵn trên trang web NZSI và báo cáo phân tích cá nhân được cung cấp cho mỗi người tham gia vào cuối chu kỳ báo cáo của họ.

Tuy nhiên, NZSI không phải là một chỉ số xếp hạng như chỉ số phát triển bền vững Dow Jones (Dow Jones Sustainability Index- DJSI). DJSI⁴ là một trong những chỉ số đứng đầu thế giới xếp hạng các hoạt động về kinh tế, môi trường và xã hội của các công ty hoạt động bền vững trên toàn cầu.

⁴Bảng tổng quan thường niên DJSI đánh giá hoạt động của các công ty dựa theo các lĩnh vực: quản lý công ty, kiểm soát rủi ro, quảng bá thương hiệu, phản ứng trước biến đổi khí hậu trái đất, hệ thống cung cấp tiêu chuẩn và quản lý lao động. Chỉ số Dow Jones có ảnh hưởng to lớn tới quyết định đầu tư của các nhà quản lý tài chính trên khắp thế giới. DJSI bao gồm 3 chỉ số: DJSI thế giới, DJSI STOXX (dành cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Châu Âu) và DJSI Bắc Mỹ.

Việc đánh giá NZSI tương thích với các khuôn khổ sáng kiến báo cáo toàn cầu- Global Reporting Initiative (GRI⁵) và Dự án Công bố Các-bon (CDP⁶) và khuyến khích các thành viên tham gia thực hiện báo cáo phát triển bền vững cho các tổ chức này. Điều này được thực hiện bằng cách có hệ thống tự động chuyển đổi đánh giá của NZSI đối với các thành viên vào một báo cáo tương thích với GRI và CDP.

NZSI sử dụng mô-đun đánh giá và điểm chuẩn FoundationFootprint™ để quản lý. Các kết quả được tự động biên soạn và mỗi thành viên tham gia có điểm chuẩn nặc danh với những thành viên khác khác dựa nhiều tiêu chí phân loại khác nhau. Mỗi thành viên có thể đăng nhập và xem xét đánh giá của họ trực tuyến hoặc tải về dưới dạng PDF. Hoặc họ cũng có thể sử dụng bản đồ báo cáo quản lý để chuyển đổi đánh giá của họ đến GRI, CDP hoặc một số loại báo cáo khác.

Các đánh giá bao gồm hướng dẫn, tiêu chuẩn và KPIs⁷ để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc cải thiện hoạt động bền vững của họ trong năm tới.

NZSI cũng sử dụng các biểu đồ kinh doanh thông minh Foundation Footprint để phân tích thêm dữ liệu và cung cấp cho người tham gia và phương tiện truyền thông của mình với xu hướng bổ sung trên cơ sở quốc gia.

3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)

Hướng dẫn của OECD về các tập đoàn đa quốc gia được thông qua vào năm 1976 là một phụ lục của tuyên bố của OECD về đầu tư quốc tế và các tập đoàn đa quốc gia (MNE). Bản cập nhật mới nhất đã được thông qua vào tháng 5 năm 2011 với mục tiêu phát triển một phương pháp tiếp cận bền vững để tiến

⁵ GRI (Global Reporting Initiative) là tổ chức dựa theo mạng lưới, phi lợi nhuận; hoạt động của tổ chức này liên quan đến hàng ngàn chuyên gia và các tổ chức từ nhiều ngành, lĩnh vực và khu vực. GRI thúc đẩy sử dụng báo cáo phát triển bền vững như là một phương thức dành cho các công ty và tổ chức để phát triển bền vững hơn và đóng góp cho nền kinh tế bền vững toàn cầu. Sứ mệnh của GRI là làm cho báo cáo phát triển bền vững trở thành thực hành tiêu chuẩn; giúp tất cả các công ty và tổ chức báo cáo hiệu quả hoạt động cũng như các tác động kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị.

⁶ Dự án Công bố Các-bon (CDP) là tổ chức phi lợi nhuận độc lập hoạt động nhằm thúc đẩy doanh nghiệp và đô thị giảm mức phát thải khí nhà kính và sử dụng nước bền vững. Khoảng 4000 tổ chức trên toàn cầu tiến hành đo lường và công bố mức phát thải khí nhà kính, chiến lược quản lý nước và biến đổi khí hậu để đáp ứng yêu cầu thông tin của CDP. Thông tin này được thu thập hàng năm thay mặt cho các nhà đầu tư tổ chức, tổ chức thu mua và cơ quan chính phủ. Thông qua việc báo cáo cho CDP, các doanh nghiệp được liệt kê trong cơ sở dữ liệu và có thể tăng cơ hội được các nhà đầu tư xếp hạng tốt hơn về phát triển bền vững. CDP cũng đang nỗ lực xây dựng hướng dẫn cho các doanh nghiệp về cách thức tích hợp thông tin có ích liên quan tới biến đổi khí hậu vào trong, hoặc liên quan tới, báo cáo tài chính chủ đạo.

⁷ KPIs (key performance indicator) là một tập hợp các biện pháp định lượng mà một công ty hay ngành công nghiệp sử dụng để đánh giá hay so sánh hiệu suất về đáp ứng mục tiêu chiến lược và hoạt động của họ. KPIs khác nhau giữa các công ty và các ngành công nghiệp, tùy thuộc vào ưu tiên của họ hoặc các tiêu chuẩn hiệu suất. KPIs cũng còn được gọi là "chỉ số chính thành công (KSI)" (theo Investopedia).

hành kinh doanh và thúc đẩy sự tin tưởng lẫn nhau giữa các doanh nghiệp đa quốc gia và các cộng đồng nơi họ hoạt động.

Hướng dẫn cung cấp các nguyên tắc tự nguyện và các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh cho các tập đoàn đa quốc gia hoạt động trong 34 quốc gia OECD, và 12 nước không thuộc OECD – những nước đã thông qua hoặc tuân thủ Tuyên bố. Các nguyên tắc và tiêu chuẩn để tiến hành kinh doanh và chịu trách nhiệm trong một loạt các lĩnh vực như nhân quyền, chống tham nhũng, thuế, quan hệ lao động, môi trường, thông tin tình nguyện công bố thông tin và bảo vệ người tiêu dùng.

Hướng dẫn gồm có các nội dung chính sau:

- Quyền con người được quốc tế công nhận trong Tuyên ngôn Nhân quyền và các công cụ chính mà qua đó nó đã được hệ thống hóa.
- Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.
- Công ước quốc tế về kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR).
- Các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được quy định trong Tuyên bố năm 1998 của Tổ chức Lao động Quốc tế về các nguyên tắc cơ bản và các quyền tại nơi làm việc.

Hướng dẫn bổ sung cho những nỗ lực của khu vực kinh tế tư nhân để xác định và thực hiện trách nhiệm kinh doanh. Mỗi quốc gia có một đầu mối liên lạc (National Contact Point -NCP) để thực hiện các hướng dẫn này và hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp về các lĩnh vực hành xử có trách nhiệm.

Các tập đoàn đa quốc gia có hoạt động kinh doanh tại các nước này đều phải đảm bảo sự tuân thủ các quy định trong hướng dẫn, trong đó trách nhiệm xã hội doanh nghiệp được công nhận là một chiến lược kinh doanh cốt lõi của hầu hết các tập đoàn đa quốc gia. Có một kỳ vọng ngày càng tăng về tập đoàn đa quốc gia để duy trì các tiêu chuẩn cao về trách nhiệm môi trường và xã hội và quản trị doanh nghiệp.

- *Tại Niu Di Lân*

Bộ Kinh doanh, Đổi mới và việc làm (Ministry of Business, Innovation and Employment-MBIE) có vai trò và hoạt động như một NCP của nước này.

Trách nhiệm của MBIE bao gồm:

- Thực hiện và phát triển hướng dẫn của OECD về các tập đoàn đa quốc gia ở cấp độ quốc gia, thông qua sự tương tác với các bên có liên quan (Hội

doanh nghiệp Niu Di lân, tổ chức công đoàn Niu Di lân, các tổ chức phi Chính phủ, các cơ quan khác của chính phủ);

- Xử lý khiếu nại, giải quyết bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc thực hiện và tuân thủ những hướng dẫn của OECD của một MNE đặt tại Niu Di lân hoặc có hoạt động kinh doanh tại Niu Di lân;

- Hàng năm báo cáo tình hình lên OECD.

Mỗi Chính phủ có thể linh hoạt trong cách thức tổ chức các NCP, miễn sao đảm bảo 4 tiêu chí: hoạt động một cách rõ ràng, dễ tiếp cận, minh bạch và có trách nhiệm.

- *Tại Úc*

Các công ty hoạt động tại Úc và các công ty Úc đang hoạt động ở nước ngoài dự kiến sẽ hành động phù hợp với các nguyên tắc quy định trong Hướng dẫn và thực hiện để- ở mức tối thiểu - các tiêu chuẩn mà hướng dẫn đưa ra. Hướng dẫn là tiêu chuẩn tự nguyện và như vậy thành công và hiệu quả của nó phụ thuộc vào trách nhiệm và thiện chí của tất cả các bên liên quan.

Chính phủ Úc cam kết thúc đẩy việc sử dụng các hướng dẫn và thực hiện một cách hiệu quả và nhất quán nhất. Mục tiêu chung của Chính phủ là tôn trọng những Hướng dẫn này là để khuyến khích sự đóng góp tích cực mà các doanh nghiệp đa quốc gia có thể làm cho tiến bộ kinh tế, môi trường và xã hội.

Tại Úc, NCP hiện nay là Phòng đầu tư nước ngoài và Chính sách thương mại, Bộ Tài chính. Vai trò của NCP nhằm khuyến khích việc thực hiện có hiệu quả và phát huy các hướng dẫn. Để làm được điều này, NCP cam kết các hoạt động:

- Hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp, công đoàn, các tổ chức NGO, các cơ quan khác của chính phủ và các cơ quan và công chúng;

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hướng dẫn;

- Tiến hành các cuộc hội thảo và các buổi tư vấn về các hướng dẫn với các doanh nghiệp, các tổ chức NGO, cơ quan chính phủ và các cơ quan khác, công chúng;

- Đáp ứng bất cứ yêu cầu về hướng dẫn và đảm bảo rằng các hướng dẫn có thể truy cập; duy trì một trang web thông tin tại www.ausncp.gov.au;

- Báo cáo hàng năm cho Hội đồng đầu tư của OECD về hoạt động của mình;

- Hợp tác và tham vấn với các NCP ở các quốc gia khác;
- Điều tra và giải quyết khiếu nại theo cấu trúc đơn khiếu nại, phù hợp với các thủ tục khiếu nại của NCP; chuẩn bị báo cáo về kết quả nghiên cứu và trình bày các kết quả khiếu nại.

4. Một số nhận xét và kiến nghị rút ra từ kinh nghiệm học hỏi sau chuyến khảo sát

Kinh nghiệm triển khai, thực hiện các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm tại Úc và Niu Di lân cho thấy một số điểm đáng chú ý sau:

- Tính hiệu quả về tổ chức và sử dụng nguồn lực (con người, chi phí) thể hiện qua thiết kế các cuộc điều tra có tính kết nối rất cao để tránh trùng lặp và sử dụng rất hiệu quả các nguồn dữ liệu từ nhiều cơ quan một cách có hệ thống (kết nối được với hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế, kho bạc quốc gia).

- Về cách tiếp cận “hướng đến người sử dụng của các cuộc điều tra: trước khi xây dựng phiếu hỏi hàng năm có tham vấn của các cơ quan liên quan, đối tượng hưởng lợi để điều chỉnh nội dung câu hỏi và vấn đề cần hỏi sao cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội tại thời điểm điều tra.

- Nội dung của các bảng hỏi linh hoạt, có thể đưa vào mô đun để cập nhật những vấn đề nóng của nền kinh tế.

Qua kinh nghiệm của Úc và Niu Di lân, đoàn khảo sát xin có một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả trong phát triển các chỉ số/kinh doanh bền vững của doanh nghiệp và quá trình thực hiện cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm như sau:

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng báo cáo phát triển bền vững cho mình

Những năm gần đây, nhiều tập đoàn tiên phong có trách nhiệm với các nhà đầu tư, Chính phủ và xã hội đã bắt đầu chú trọng vào các vấn đề đảm bảo tính bền vững trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng và các quyết định đầu tư của mình. Tại các buổi thảo luận của Liên hiệp quốc, các quốc gia trong nhóm Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và G20 đã thể hiện sự đồng thuận mang tính quốc tế cao rằng: để tăng cường tính ổn định tài chính và phát triển kinh tế dài hạn đòi hỏi cần nhanh chóng cải thiện các hoạt động về Quản trị Trách nhiệm với Môi trường và Xã hội (E&S - Environmental

and Social Governance) tại các doanh nghiệp. Một trong những hoạt động mà Liên hợp quốc hướng tới là khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện Báo cáo phát triển bền vững.

Báo cáo Phát triển bền vững là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm trước các bên về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Các doanh nghiệp khi xây dựng và ban hành báo cáo này cần đánh giá và công bố những thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mình ở các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị - mà đã trở thành thông lệ công bố thông tin trên toàn cầu.

Báo cáo phát triển bền vững không chỉ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp củng cố tăng cường mối hợp tác với các bên liên quan, với nhà đầu tư, và cộng đồng dân cư mà còn giúp các doanh nghiệp quản lý rủi ro kinh doanh một cách hiệu quả hơn. Và công tác này cũng giúp các doanh nghiệp thích nghi trong môi trường đang thay đổi và cạnh tranh hiệu quả hơn trong tương lai. Hiện nay, trên thế giới, xu hướng ngày càng nhiều doanh nghiệp cung cấp báo cáo phát triển bền vững và lồng ghép các thông tin về môi trường, xã hội và quản trị vào báo cáo thường niên của doanh nghiệp mình. Điều này cho thấy đã có minh chứng xác thực về mối tương quan giữa phát triển bền vững và hiệu quả hoạt động và mức lợi nhuận thu được của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, báo cáo phát triển bền vững là một lĩnh vực còn rất mới mẻ. Trên thực tế, các doanh nghiệp Việt Nam chưa có đầy đủ các thông tin rõ ràng về môi trường và xã hội hoặc các hoạt động đảm bảo tính bền vững cho các nhà đầu tư. Các thông tin như đầu tư cho cộng đồng, mức độ phát khí thải, sử dụng nguồn nước, phúc lợi cho nhân viên, tính đa dạng của nguồn nhân lực và tính độc lập của các ủy ban có thể không sẵn có cho các nhà đầu tư. Việc thiếu các thông tin này có thể dẫn tới mất cơ hội thu hút nguồn vốn từ những nhà đầu tư có chuẩn mực cao về trách nhiệm xã hội và môi trường. Do đó, việc để các doanh nghiệp lập một báo cáo phát triển bền vững cho mình là cần thiết.

Tuy nhiên, để làm được điều đó thì về phía Chính phủ cần nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, đồng thời có chính sách khuyến khích thành lập các tổ chức phi lợi nhuận (hoặc chuyển đổi từ cơ quan sự nghiệp công lập) hỗ trợ doanh nghiệp như kinh nghiệm của Niu Di lân và Úc.

- Đối với cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm

Qua kinh nghiệm của hai nước cho thấy họ vẫn điều tra doanh nghiệp hàng năm, nhưng rất linh hoạt cả về phương thức và nội dung. Ngoài ra, cả hai

quốc gia đang chuyển sang thực hiện điều tra điện tử. Do đó, ở Việt Nam cũng nên xem xét đối với các cuộc điều tra, khảo sát doanh nghiệp, tiến dần đến việc thực hiện điều tra điện tử. Điều này sẽ giúp giảm đáng kể chi phí điều tra. Tuy nhiên, để làm được điều này cần phải xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu, cơ sở công nghệ thông tin tốt ./.